

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST

Ngày 14-9-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Bà Trần Thị Kim Khuyên

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1957; trú tại: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn T, sinh năm 1982 (vắng mặt) và chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1986 (vắng mặt); trú tại: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị K, sinh năm 1957; trú tại: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị K: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1957; trú tại: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên trước ngày 13/5/2019, vợ chồng ông đã cho vợ chồng anh T, chị S vay nhiều lần với tổng số tiền là 85.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 10.000.000đồng đến 25.000.000đồng, khi vay đều có viết giấy vay tiền, thỏa thuận lãi suất trên từng giấy vay nợ, có những giấy không có ghi lại lãi suất thì hai bên thỏa thuận bên ngoài lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay

ông không nhớ, trên các giấy đều ghi thời hạn trả. Sau đó đến ngày 13/5/2019 vay tiếp 60.000.000đồng, ngày 10/6/2019 vay tiếp 300.000.000đồng.

Từ khi vay đến ngày 1/7/2019 vợ chồng T S đã trả được tiền lãi đến hết 13/7/2019 và tháng sau tổng là 9.000.000đồng của số tiền gốc 60.000.000đồng. Vì thế phía sau giấy vay tiền ông đã viết “đã trả lãi đến 1/7/2019, thừa 4.580.000đồng trả vào 60.000.000đồng tháng tới”. Do ngày 1/7/2019 anh T đem trả tiền lãi từ ngày 13/5/2019 đến 13/7/2019 là 4.420.000 đồng tiền lãi, nên số tiền còn lại là 4.580.000đồng trả vào tiền lãi tháng tới của 60.000.000đồng là đến hết 13/9/2019 (2 tháng).

Đến ngày 8/7/2019 trả 40.000.000đồng, ngày 29/7/2019 trả 60.000.000đồng, tổng là 100.000.000đồng đây là số tiền trả vào gốc và lãi của số tiền vay 85.000.000đồng trước đó. Nên ông đã ghi “Đã trả 100.000.000đồng chẵn tiền gốc, ngày 8/7/2019 trả 40.000.000đồng gốc, ngày 29/7/2019 trả 60.000.000đồng gốc”, sở dĩ ông chỉ viết trả 100.000.000đồng tiền gốc là lúc đó ông viết thiếu, thực tế là trả tiền lãi và gốc của số tiền 85.000.000đồng vay trước đó. Ở mặt sau giấy vay tiền ông đã dùng bút xóa nội dung những lần trả tiền của anh T là vì anh T đã trả hết cho ông số tiền 85.000.000đồng. Những lần trả tiền này thì chỉ có một mình anh T sang nhà trả cho ông.

Sở dĩ ông viết số tiền anh T, chị S trả tiền lãi của số tiền 60.000.000đồng và tiền gốc, lãi của số tiền 85.000.000đồng phía sau giấy vay tiền ngày 10/6/2019 với khoản vay gốc 300.000.000đồng mà không viết vào giấy vay ngày 13/5/2019 và giấy vay số tiền 85.000.000đồng là do tiện có sẵn giấy này và vì anh T chị S vẫn là người nợ ông tiền.

Khi vợ chồng ông cho anh T, chị S vay 60.000.000đồng thì cả anh T, chị S đến vay và ký vào giấy vay ngày 13/5/2019; Khi vợ chồng T S vay 300.000.000đồng thì khi đến vay và nhận tiền chỉ có một mình anh T đến, đến tới chị S đi làm về thì anh T đưa chị S sang nhà ông ký vào giấy vay ngày 10/6/2019. Do trước đó cả hai vợ chồng cùng hỏi vay ông để đảo khế ước ngân hàng.

Đến nay, số tiền vay trước ngày 13/5/2019, anh T đã trả hết cho ông cả gốc và lãi, hiện nay chỉ còn nợ ông số gốc tiền 60.000.000đồng tiền lãi từ ngày 13/9/2019 đến nay với lãi suất 1%/tháng và tiền gốc 300.000.000đồng. Do khi anh T chị S vay ông 300.000.000đồng để đảo khế ước ngân hàng nông nghiệp Lập Thạch với thời hạn hai bên thỏa thuận miệng là từ 7-10 ngày nên không thỏa thuận lãi suất.

Nay ông đề nghị anh T, chị S phải trả ông số tiền gốc 60.000.000đồng theo giấy vay ngày 13/5/2019 cùng tiền lãi với mức lãi suất theo quy định từ ngày 13/9/2019 đến nay và tiền gốc 300.000.000đồng cùng tiền lãi với mức lãi suất theo quy định từ ngày 20/9/2019 đến nay.

Bị đơn Anh Phan Văn T trình bày: Anh với vợ chồng ông T bà Khanh có mối quan hệ hàng xóm, khoảng năm 2017, vợ chồng anh có vay tiền của vợ chồng ông T nhiều lần, mỗi lần thường vay khoảng 20.000.000đồng đến

30.000.000đồng, khi vay đều có giấy nhận tiền, hai bên không thỏa thuận thời hạn trả, chỉ thỏa thuận lãi suất là 1.500đồng/ngày/triệu đồng (việc thỏa thuận này không ghi vào giấy vay). Đến năm 2018 vợ chồng anh còn nợ vợ chồng ông T số tiền gốc là 85.000.000đồng.

Do làm ăn phải vay vốn nên vợ chồng anh có vay tiếp của vợ chồng ông T số tiền cụ thể như sau: Ngày 13/5/2019 vợ chồng anh có vay của ông T 60.000.000đồng, khi vay có làm giấy tờ vay, anh là người điền các thông tin vào mẫu giấy vay tiền, thời hạn vay là từ ngày 13/5/2019 đến ngày 13/6/2019, trong giấy vay tiền không thể hiện lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận ngoài với lãi suất là 3.000đồng/ngày/triệu đồng (việc thỏa thuận không ghi vào giấy vay). Anh đã trả lãi số tiền vay trên là 9.000.000đồng/2 tháng, còn gốc chưa trả; Đến ngày 10/6/2019 vợ chồng anh tiếp tục vay của vợ chồng ông T số tiền 300.000.000đồng, hai bên không thỏa thuận thời hạn trả (nên trong giấy vay nợ anh không ghi thời hạn trả), lãi suất 1.500đồng/ngày/triệu đồng (hai bên thỏa thuận miệng, không ghi vào biên bản). Anh đã trả khoảng 16.000.000đồng tiền lãi là số tiền trả của 1 tháng tiền lãi, việc trả lãi cũng không có giấy tờ gì.

Đối với việc anh trả lãi hai số tiền vay trên ông T không viết giấy biên nhận gì, đến nay anh cũng không nhớ rõ ngày, tháng đã trả. Anh xác nhận số tiền anh đã trả cho ông T mà ông T ghi ở phía sau giấy vay tiền ngày 10/6/2019 là trả tiền gốc 85.000.000đồng và tiền lãi trước đó. Nên số nợ theo giấy vay nợ ngày 13/5/2019 và ngày 10/6/2019 tổng là 360.000.000đồng, anh xác nhận có vay số tiền này và vợ chồng anh nhận trực tiếp của vợ chồng ông T, đến nay vợ chồng anh còn nợ vợ chồng ông T 360.000.000đồng theo hai giấy vay nợ trên.

Đối với giấy vay tiền ngày 26/01/2018, trong giấy có ghi nội dung vay của ông bà Nguyễn Thị H (P) 25.000.000đồng, thực tế là anh không vay của bà H P mà đây là khoản vay của ông T, do ông T đưa sẵn mẫu có nội dung đó và bảo anh ký nên anh mới viết và ký vào giấy này. Đối với số tiền này cũng nằm trong tổng số tiền 85.000.000đồng như anh đã trình bày ở trên và anh đã trả hết.

Nay ông T khởi kiện vợ chồng anh phải trả tổng số tiền gốc là 360.000.000đồng và tiền lãi theo quy định. Anh xác định khoản nợ ông T là 360.000.000đồng theo hai giấy vay nợ ngày 13/5/2019 và ngày 10/6/2021. Anh nhất trí trả ông T số tiền 360.000.000đồng và lãi suất theo quy định như ông T yêu cầu nhưng hiện nay anh vẫn chưa có tiền trả, đề nghị cho anh được trả dần.

Bị đơn chị Nguyễn Thị S: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không T hành lấy lời khai và hòa giải đối với chị được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị K: Có quan điểm như của ông T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch thụ lý vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ

khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên tòa đến khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc anh T, chị S phải trả ông T số tiền nợ gốc 260.000.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật sau khi đã trừ đi số tiền lãi vượt quá vào phần nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc T đối với bị đơn là anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị S về việc đòi nợ. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Ngày 13/5/2019 và ngày 10/6/2019 ông Nguyễn Ngọc T cho vợ chồng anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị S vay tiền và có lập giấy biên nhận vay tiền, thỏa thuận lãi, thời hạn trả. Đến ngày 29/12/2020 có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng mặc dù bị đơn là chị Nguyễn Thị S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và đã biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T, nhưng bị đơn đã không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án, cố tình không lên Tòa án làm việc nên Tòa án không T hành lấy lời khai được. Việc chị Nguyễn Thị S cố tình vắng mặt đồng nghĩa với việc đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai bị đơn là anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị S nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu anh T, chị S phải trả 360.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định.

- Các đương sự đều thừa nhận, do có mối quan hệ hàng xóm nên từ năm 2017 vợ chồng anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị S có vay tiền nhiều lần của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Trần Thị K, mỗi lần thường vay khoảng 20.000.000đồng đến 30.000.000đồng, khi vay đều có giấy nhận tiền. Đến năm 2018 vợ chồng anh T, chị S còn nợ ông T tổng 85.000.000đồng và tiền lãi. Đến ngày 13/5/2019 vay 60.000.000đồng, ngày 10/6/2019 vay tiếp 300.000.000đồng.

Sau đó anh T, chị S đã trả 100.000.000đồng là trả vào số tiền 85.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi trước đó, số tiền đã trả được ông T ghi vào mặt sau giấy vay tiền ngày 10/6/2019, và 9.000.000đồng là số tiền lãi đã trả của khoản nợ gốc 60.000.000đồng cũng được ghi vào phía sau giấy vay tiền ngày 10/6/2019. Anh T cũng xác nhận đến nay còn nợ gốc là 360.000.000đồng là số tiền của giấy vay tiền ngày 15/5/2019 và giấy vay ngày 10/6/2019, anh đề nghị ông T cho vợ chồng anh được trả dần nhưng không được ông T đồng ý.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xác nhận số tiền 100.000.000đồng mà phía bị đơn đã trả cho nguyên đơn được ghi phía sau giấy vay tiền ngày 10/6/2019 là trả vào nợ gốc của số tiền 300.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 10/6/2019. Hội đồng xét xử thấy rằng, phía sau giấy vay tiền ngày 10/6/2019 do ông T viết có thể hiện trả nợ gốc là 100.000.000đồng, “ngày 8/7 dương 2019 trả 40.000.000đồng gốc, ngày 29/7 dương trả 60.000.000đồng gốc”, ông T và anh T đều xác nhận số tiền 100.000.000đồng này là trả vào số nợ gốc 85.000.000đồng và tiền lãi trước đó vì trước đây ông T nhiều lần cho vợ chồng anh T, chị S vay. Hơn nữa chính phía sau giấy vay tiền ngày 10/6/2019 ông T cũng có ghi nội dung trả tiền lãi của 60.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 13/5/2019. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn là chị S, nhưng chị S không đến Tòa án làm việc, cũng như không có bất kỳ văn bản hay ý kiến phản đối gì, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình theo quy định của pháp luật. Vì vậy, không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và xác định vợ chồng anh T, chị S chưa trả được nợ gốc cho ông T theo giấy vay tiền ngày 13/5/2019 và ngày 10/6/2019.

Tuy nhiên, đối với giấy vay tiền ngày 13/5/2019 với số tiền vay 60.000.000đồng, giấy vay tiền này thể hiện thời hạn vay là từ ngày 13/5/2019 đến ngày 13/6/2019, không thể hiện lãi suất nhưng các bên đều xác nhận là vay có lãi. Nguyên đơn cho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, còn bị đơn cho rằng lãi suất là 3.000đồng/ngày/triệu đồng. Như vậy, đây là khoản vay có thời hạn và có lãi nhưng có tranh chấp về lãi nên theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự xác định lãi suất vay là $50\% \times 20\%/\text{năm} = 10\%/\text{năm}$. Đối với khoản vay này, các bên đều thừa nhận đã trả được 9.000.000đồng tiền lãi và được ghi vào phía sau giấy vay tiền ngày 10/6/2019, theo ông T thì số tiền 9.000.000đồng là trả lãi của 04 tháng từ ngày 13/5/2019 đến ngày 13/9/2019, còn anh T cho rằng số tiền trả này là trả lãi của 02 tháng. Số tiền 9.000.000đồng là trả lãi của số tiền vay 60.000.000đồng theo giấy vay ngày 13/5/2019 và được ông T ghi vào phía sau giấy vay tiền ngày 10/6/2019 có thể hiện “đã trả lãi đến 01/7, thừa 4.580.000đồng trả lãi vào 60.000.000đồng tháng tới”. Như vậy cần xác định số tiền trả 9.000.000đồng trên là trả vào tiền lãi 02 tháng của số tiền vay 60.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 13/5/2019 nên lãi suất các bên đã trả được xác định là $(9.000.000\text{đồng} \times 100)/(2 \times 60.000.000\text{đồng}) = 7,5\%/\text{tháng}$ tức là 90%/năm. Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự có quy định mức lãi suất các bên có thỏa thuận về lãi thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Tại Điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày

11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có quy định mức lãi suất các bên thỏa thuận cao hơn mức lãi suất pháp luật quy định thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả. Đối với trường hợp này, số tiền lãi vượt quá là: $9.000.000\text{đồng} - (20\%/năm \times 60.000.000\text{đồng} \times 02 \text{ tháng}) = 7.000.000\text{đồng}$, số tiền này sẽ được trừ vào số nợ gốc 60.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 13/5/2019. Như vậy, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc anh T, chị S phải trả nợ ông T số tiền nợ gốc là 353.000.000đồng, trong đó theo giấy vay ngày 13/5/2019 còn nợ gốc 53.000.000đồng, theo giấy vay ngày 10/6/2019 nợ gốc là 300.000.000đồng.

- Đối với yêu cầu tính lãi, ông T đề nghị tính lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền vay theo giấy vay tiền ngày 13/5/2019 tính từ ngày 13/9/2019 cho tới nay (tại phiên tòa, ông tự nguyện không yêu cầu tính lãi số tiền này 02 tháng là từ ngày 13/7/2019 đến ngày 13/9/2019) và tiền lãi theo quy định của khoản vay 300.000.000đồng từ ngày 20/9/2019 cho đến nay.

Theo giấy vay nợ ngày 13/5/2019 hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày 13/5/2019 đến ngày 13/6/2019. Tuy nhiên, anh T, chị S không trả được nợ cho ông T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay theo thỏa thuận, theo phân tích trên thì lãi suất vay của các bên là 10%/năm, như vậy, lãi suất quá hạn là $150\% \times 10\%/năm = 1,25\%/tháng$. Số tiền lãi từ ngày 13/9/2019 đến nay (24 tháng 01 ngày) là: $53.000.000\text{đồng} \times 1,25\%/tháng \times (24 \text{ tháng } 01 \text{ ngày}) = 15.922.000\text{đồng}$ (làm tròn).

Theo giấy vay nợ ngày 10/6/2019, theo ông T cho rằng hai bên thỏa thuận ngoài là thời hạn vay từ 7-10 ngày, còn anh T cho rằng khoản vay này không thỏa thuận thời hạn trả. Trong giấy vay tiền ngày 10/6/2019 không thỏa thuận thời hạn trả nên xác định khoản vay này là khoản vay không xác định thời hạn. Ngày 21/10/2019 ông T đã làm đơn ra Công an huyện L về việc đề nghị anh T, chị S phải trả ông số nợ trên và đến ngày 20/12/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L ra quyết định không khởi tố vụ án. Ngoài ra, không có tài liệu nào khác thể hiện việc ông T đòi nợ đối với khoản vay 300.000.000đồng theo giấy vay ngày 10/6/2019. Nên theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự và Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì xác định thời hạn phải trả nợ theo giấy vay tiền ngày 10/6/2019 là ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định không khởi tố vụ án và là ngày 20/12/2019. Đối với khoản vay này, trong giấy vay tiền ngày 10/6/2019 và các bên đều thể hiện việc vay không thỏa thuận lãi nên xác định là khoản vay không có lãi, theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự thì lãi suất của khoản vay này được xác định là $50\% \times 20\%/năm = 10\%/năm$. Số tiền lãi từ ngày 20/12/2019 đến nay (20 tháng 25 ngày) là: $300.000.000\text{đồng} \times 10\%/năm \times (20 \text{ tháng } 25 \text{ ngày}) = 52.083.000\text{đồng}$ (làm tròn).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T buộc anh T và chị S phải liên đới trả số tiền nợ gốc và lãi là:

53.000.000đồng + 300.000.000đồng + 15.922.000đồng + 52.083.000đồng = 421.005.000đồng.

[5]. Về án phí: Anh T, chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 20.000.000đồng + 4% (421.005.000đồng – 400.000.000đồng) = 20.840.000đồng (làm tròn).

Do ông T là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 463, 466, 468, 469, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 227, 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T đối với anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị S.

Buộc bà anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị S phải liên đới trả cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền là 421.005.000đồng, trong đó nợ gốc 353.000.000đồng, nợ lãi là 68.005.000đồng.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.840.000đồng.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)
Nguyễn Văn Nghĩa